

Số: 2395 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án Xây dựng tuyến đường kết nối vào Cảng Phước An (từ nút giao với cao tốc Bến Lức - Long Thành đến Cảng Phước An) theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1948/TTr-SGTVT ngày 22/4/2020 và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 321/BC-SKHĐT ngày 19/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án Xây dựng tuyến đường kết nối vào Cảng Phước An (từ nút giao với cao tốc Bến Lức - Long Thành đến Cảng Phước An) theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng tuyến đường kết nối vào Cảng Phước An (từ nút giao với cao tốc Bến Lức - Long Thành đến Cảng Phước An) theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT).

2. Tổng vốn đầu tư: 1.042.708.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	753.577.642.565 đồng;
+ Chi phí thiết bị:	13.290.230.800 đồng;
+ Chi phí Quản lý dự án:	11.753.993.041 đồng;
+ Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng:	25.617.363.498 đồng;
+ Chi phí khác:	58.649.303.276 đồng;
+ Chi phí GPMB:	9.523.428.560 đồng;
+ Chi phí dự phòng tạm tính:	77.055.946.013 đồng;
+ Chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng tạm tính:	93.240.000.000 đồng.

3. Nguồn vốn:

- Nhà đầu tư huy động vốn chủ sở hữu và vốn vay để đầu tư xây dựng tuyến đường và giải phóng mặt bằng.

- Cơ chế tài chính để hỗ trợ việc thực hiện dự án:

+ Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư xây dựng tuyến đường và giải phóng mặt bằng; sau khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng nhà đầu tư được phép kinh doanh khai thác thu phí giao thông đường bộ theo quy định để hoàn vốn.

+ Cơ cấu phần vốn đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/05/2018 của Chính phủ quy định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và các quy định hiện hành có liên quan.

+ Mức lãi suất vốn vay và tỷ suất lợi nhuận của nhà đầu tư thực hiện theo Thông tư số 88/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư.

4. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư:

- Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: áp dụng đấu thầu rộng rãi trong nước.

- Phương thức lựa chọn nhà đầu tư: một giai đoạn hai túi hồ sơ.

5. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư: thực hiện trong Quý III năm 2020.

6. Loại hợp đồng: Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT).

7. Thời gian thực hiện hợp đồng: dự kiến 02 năm.

a) Thời gian thi công: Năm 2020 - 2021;

b) Thời gian thu giá dịch vụ: Dự kiến 16 năm 4,4 tháng. Mức thu giá dịch vụ được điều chỉnh theo từng giai đoạn theo quy định hiện hành và được quy định trong hợp đồng dự án.

8. Thời gian thực hiện các hoạt động cơ bản trong lựa chọn nhà đầu tư:

a) Lập hồ sơ mời thầu: tối đa 30 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.

b) Thẩm định hồ sơ mời thầu: tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt.

c) Phê duyệt hồ sơ mời thầu: tối đa 20 ngày kể từ ngày người có thẩm quyền nhận được báo cáo thẩm định.

d) Đánh giá hồ sơ dự thầu: tối đa 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mời thầu trình người có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

đ) Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư: tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt.

e) Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư: tối đa 20 ngày kể từ ngày người có thẩm quyền nhận được báo cáo thẩm định.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và lưu ý lập Bảng theo dõi tiến độ các hoạt động trong lựa chọn nhà đầu tư (theo Phụ lục đính kèm) theo quy định Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Sở Giao thông vận tải và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KTN (Sơn)

05-30

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng



Phụ lục
BẢNG THEO DÕI TIẾN ĐỘ CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG LỰA
CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Các hoạt động cơ bản trong lựa chọn nhà đầu tư	Thời gian thực hiện (theo kế hoạch)		Thời gian thực hiện (theo thực tế)		Số ngày chênh lệch	
		Số ngày	Tổng số ngày (cộng dồn)	Số ngày	Tổng số ngày (cộng dồn)	Số ngày	Tổng số ngày (cộng dồn)
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
1	Lập hồ sơ mời thầu	30	30				
2	Thẩm định hồ sơ mời thầu	30	60				
3	Phê duyệt hồ sơ mời thầu	20	80				
4	Đánh giá hồ sơ dự thầu	90	170				
5	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư	30	200				
6	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	20	220				
7	Các hoạt động khác (nếu có)						

